

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH L1
TỈNH VINH L1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/DS-ST

Ngày: 08-6-2022

“V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VINH LONG, TỈNH VINH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Thới

2. Ông Phạm Văn Tư

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Phước – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2021/TLST-DS, ngày 15 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Văn Đ**, sinh năm 1987 và chị **Nguyễn Thị Ngọc Đ1**, sinh năm 1986. Cùng địa chỉ: Xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Sơn L**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh L1. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh **Nguyễn Thanh L1**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh L1: Chị **Nguyễn Thị Ngọc Đ1**, sinh năm 1986. Địa chỉ: Xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh. (Văn bản ủy quyền ngày 27/5/2022). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2021, các đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/5/2021, 01/12/2021 cùng các tài liệu trong quá trình xét xử, nguyên đơn **Trần Văn Đ**, **Nguyễn Thị Ngọc Đ1** trình bày:

Vào ngày 26/11/2020, bị đơn Nguyễn Sơn L có vay của chị Đ1, anh Đ và anh L1 số tiền 150.000.000đ, nhưng đến ngày 09/3/2021 mới làm biên nhận, anh Đ viết biên nhận tại nhà của anh L, địa chỉ Phường T, thành phố V, anh L ký tên và ghi họ tên của anh L vào biên nhận. Mặc dù biên nhận chỉ có anh Đ và anh L ký tên, chị Đ1 và anh L1 không ký tên nhưng anh Đ, chị Đ1 xác định trong số tiền cho anh L vay của anh Đ, chị Đ1 là 75.000.000đ, còn 75.000.000đ là của L1 – em ruột của chị Đ1. Biên nhận chỉ lập một bản do anh Đ giữ và đã nộp cho Tòa án. Thời hạn trả nợ vay kể từ ngày 22/3/2021, mỗi tháng anh L trả từ 5.000.000đ đến 20.000.000đ. Biên nhận không ghi lãi suất nhưng các bên thỏa thuận miệng lãi suất 14%/năm theo quy định của Ngân hàng Kiên L1, tỉnh Trà Vinh. Từ khi vay đến nay anh L chưa trả vốn và lãi nên anh khởi kiện yêu cầu anh L trả nợ gốc 150.000.000đ và lãi suất 1,16%/tháng tính từ ngày 26/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại bản tự khai ngày 07/4/2022, anh Đ và chị Đ1 giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc anh L trả vốn vay 150.000.000đ, thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về thời gian tính lãi. Cụ thể anh Đ, chị Đ1 yêu cầu tính lãi 1,16%/tháng từ ngày 22/3/2021 chứ không phải từ ngày 26/11/2021 cho đến ngày 22/3/2022 là 12 tháng bằng số tiền 20.880.000đ.

Bị đơn Nguyễn Sơn L:

Anh L đã trực tiếp nhận Thông báo thụ lý vụ án số 110A/TB-TLVA ngày 15/3/2022, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải (lần 01 ngày 07/4/2022, lần 02 ngày 26/4/2022) của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L1 nhưng anh L không có bản khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên không công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tuy nhiên, tại biên bản giao giấy tờ, hồ sơ tài liệu của Văn phòng Thừa phát lại Vĩnh L1 lập vào lúc 13 giờ 50 phút ngày 22/4/2022, anh Nguyễn Sơn L ghi ý kiến vào biên bản tổng đạt như sau: “Xin Tòa cho phép tui vắng mặt tại buổi hòa giải, vì bận công việc. Ý kiến trả nợ của tui sẽ trả dần hàng tháng đến hết số nợ”.

Tại bản tự khai ngày 25/4/2022, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh L1 là trình bày:

Anh hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của anh Đ, chị Đ1 về thời gian cho vay, số tiền cho vay, nội dung biên nhận, lãi suất và yêu cầu khởi kiện của chị Đ1, anh Đ.

Tại tờ tường trình ngày 01/5/2022, anh L1 có ý kiến như sau: Trong 150.000.000đ cho anh L vay có 75.000.000đ của anh, anh không có thời gian tham dự phiên hòa giải của Tòa án, nên anh quyết định giao toàn bộ số tiền 75.000.000đ cho anh Đ và chị Đ1 toàn quyền giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn Trần Văn Đ, Nguyễn Thị Ngọc Đ1 trình bày: Anh, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu anh L trả vợ chồng chị tổng cộng: 175.288.000đ (Trong đó: Nợ gốc: 150.000.000đ và lãi suất 1,16%/tháng tính từ ngày 22/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (14 tháng 16 ngày) là 25.288.000đ), chị không yêu cầu tính lãi trên nợ lãi và lãi trên nợ gốc quá hạn, yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, không đồng ý trả dần, vì anh L đã vi phạm nghĩa vụ đã hứa.

Bị đơn anh L vắng mặt.

Chị Đ1 là người đại diện hợp pháp của anh L1 trình bày ý kiến: Anh L1 có văn bản đồng ý chuyển giao toàn quyền cho anh Đ và chị khởi kiện yêu cầu anh L trả vốn vay 150.000.000đ theo biên nhận ngày 09/3/2021, trong đó phần của anh L1 là 75.000.000đ, anh L1 với anh Đ và chị tự thỏa thuận về phần tiền của anh L1, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc Đ1 khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Sơn L trả anh, chị số tiền vay vì cho rằng quyền và lợi ích bị xâm phạm nên được quyền khởi kiện. Bị đơn cư trú tại thành phố Vĩnh L1. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L1.

Bị đơn anh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thủ tục xét xử và giấy triệu tập tham dự phiên tòa (lần 01 vào ngày 19/5/2022, lần 02 ngày 08/6/2022) do anh L trực tiếp ký nhận nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không lý do nên xử vắng mặt anh L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Tại tờ tường trình ngày 01/5/2022, anh L1 tự nguyện chuyển giao quyền yêu cầu khởi kiện của anh cho anh Đ và chị Đ1 khởi kiện yêu cầu anh L trả 75.000.000đ cho anh L1 trong tổng số 150.000.000đ. Tại phiên tòa anh Đ và chị Đ1 đồng ý việc chuyển giao quyền yêu cầu của anh L1. Xét đây là ý chí tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 3 và Điều 365 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh L1, chị Đ1 và anh Đ về việc chuyển giao quyền yêu cầu này.

[2.2] Về yêu cầu trả vốn vay của nguyên đơn:

Chị Đ1 và anh Đ khởi kiện yêu cầu anh L trả nợ vay 150.000.000đ, căn cứ theo biên nhận mượn tiền ngày 09/3/2021 (bản chính), anh L ký tên đã được nguyên đơn nộp cho Tòa án.

Xét thấy, tại biên bản giao giấy tờ, hồ sơ tài liệu của Văn phòng Thừa phát lại Vĩnh L1 lập vào ngày 22/4/2022 (bút lục 74), anh Nguyễn Sơn L trực tiếp nhận và có ý kiến như sau: "...Ý kiến trả nợ của tui sẽ trả dần hàng tháng đến hết số nợ".

Mặc dù suốt quá trình giải quyết vụ án anh L không tham dự, không có bản khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng khi nhận văn bản tố tụng của Tòa án anh L đã ghi ý kiến của anh, anh xác định có nợ của nguyên đơn và xin được trả dần như trích dẫn trên, anh L hoàn toàn không phản đối các tình tiết, sự kiện nguyên đơn yêu cầu, nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do anh L vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo biên nhận ngày 09/3/2021, nên yêu cầu khởi kiện của anh Đ, chị Đ1 là có căn cứ. Buộc anh L phải trả anh Đ, chị Đ1 150.000.000đ.

[2.3] Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn:

Lời trình bày của anh Đ, chị Đ1, anh L1 đều xác định biên nhận ngày 09/3/2021 không ghi lãi suất nhưng có thỏa thuận miệng lãi suất 14%/năm (tương đương 1,16%/tháng). Đối với bị đơn anh L đã nhận được thông báo thụ lý vụ án số 110A/TB-TLVA ngày 15/3/2022, biết rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu anh trả vốn gốc và lãi suất 1,2%/tháng. Anh L có ý kiến là đồng ý trả nợ và xin được trả dần, hoàn toàn không phản đối tình tiết, sự kiện nguyên đơn đưa ra. Hội đồng xét xử nhận thấy đủ căn cứ xác định đây là hợp đồng vay có lãi, có kỳ hạn.

Nay nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi từ 1,2%/tháng xuống 1,16%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, đồng thời chỉ yêu cầu một mức lãi suất 1,16%/tháng tính từ ngày 22/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là có lợi cho bị đơn, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về lãi. Theo khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, kể từ ngày 23/3/2021, anh L còn phải chịu lãi suất quá hạn trên vốn vay. Tuy nhiên, anh Đ, chị Đ1 đều tự nguyện không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Buộc bị đơn trả lãi từ ngày 22/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/6/2022) là 14 tháng 16 ngày với lãi suất 1,16%/tháng. Cụ thể: 150.000.000đ x 1,16%/tháng x 14 tháng 16 ngày = 25.288.000đ. Tổng cộng anh L trả vốn gốc và lãi cho anh Đ, chị Đ1 là 175.288.000đ.

Anh L có ý kiến xin trả dần nhưng nguyên đơn không chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Anh Nguyễn Sơn L phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm 8.765.000đ. (cách tính 175.288.000đ x 5% = 8.764.400đ (tính tròn 8.765.000đ).

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm nên hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Văn Đ và Nguyễn Thị Ngọc Đ1.

Buộc anh Nguyễn Sơn L phải trả anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc Đ1 175.288.000đ (một trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi tám ngàn đồng). Trong đó: Nợ gốc: 150.000.000đ và lãi 25.288.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Thanh L1 giao toàn quyền cho chị Nguyễn Thị Ngọc Đ1 và anh Trần Văn Đ khởi kiện anh Nguyễn Sơn L đòi lại vốn vay 150.000.000đ theo biên nhận ngày 09/3/2021, phần của anh L1 là 75.000.000đ, anh L1, chị Đ1 và anh Đ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Sơn L phải nộp 8.765.000đ (tám triệu bảy trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm.

Hoàn trả chị Nguyễn Thị Ngọc Đ1 và anh Trần Văn Đ số tiền tạm ứng án phí là 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000263 ngày 28/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh L1 (chị Nguyễn Thị Ngọc Đ1 ký nộp tiền).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án tại chính quyền địa phương để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, TA.

Đặng Thị Mỹ Thuận

